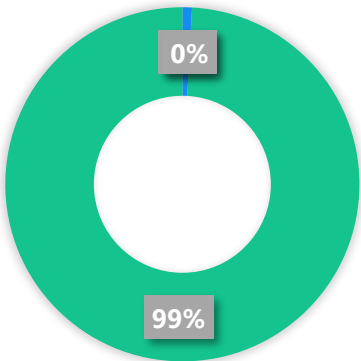


Thông tin giao dịch28/06/2024	
Giá hiện tại (VNĐ)	6,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,000
SL cổ phiếu LH	6,050,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,235
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	41
P/E	-115.1
EPS	-58

	YTD	1T	3T	6T
CET	15.5%	-14.1%	-16.3%	6.3%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

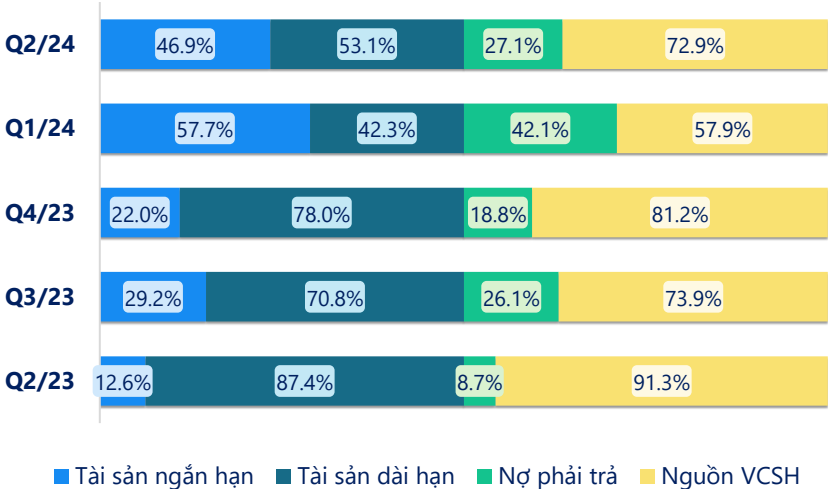
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

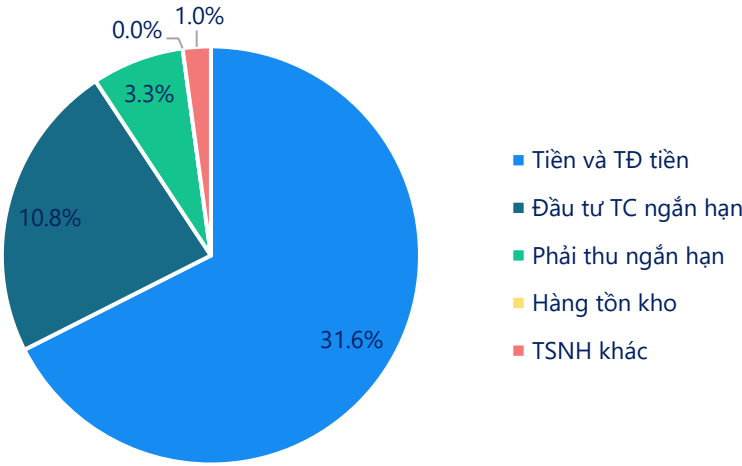
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

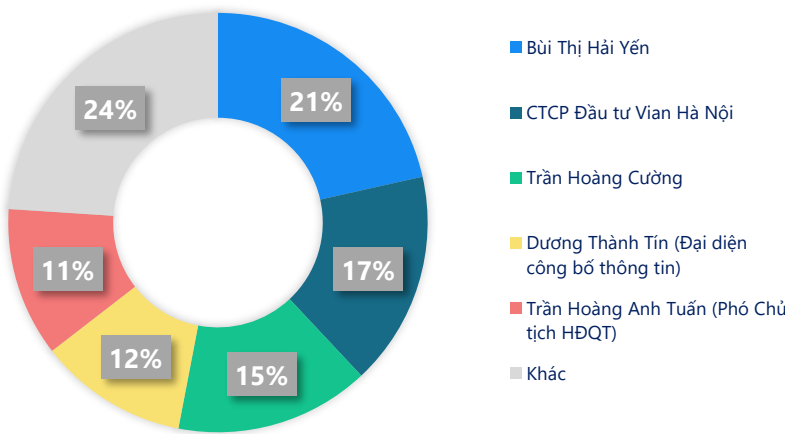
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q2/24

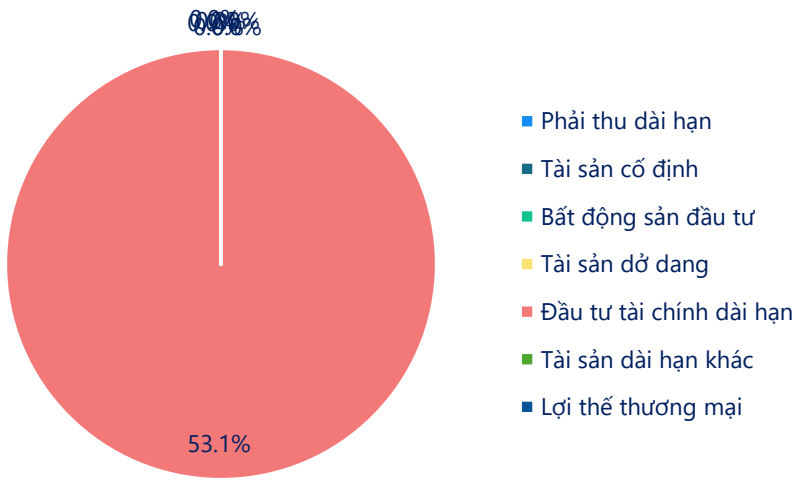
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



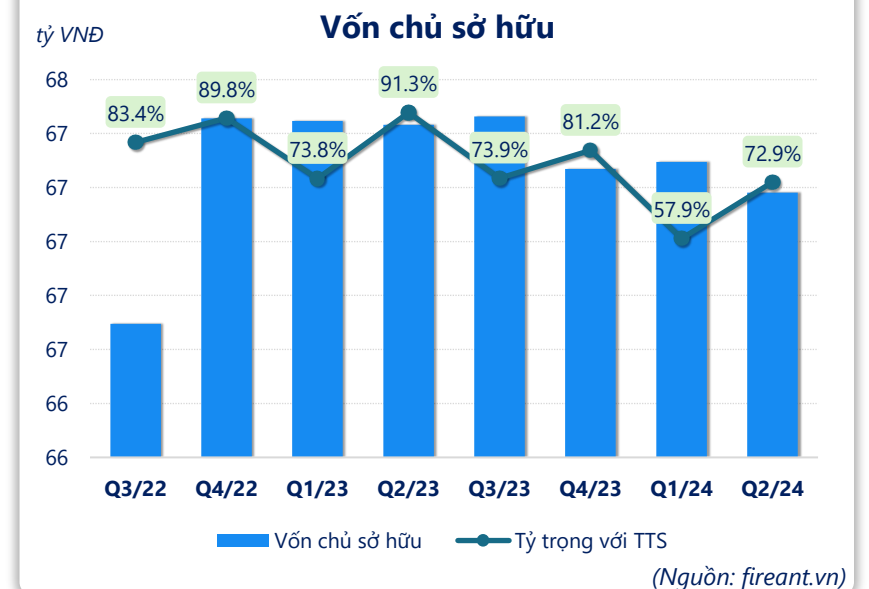
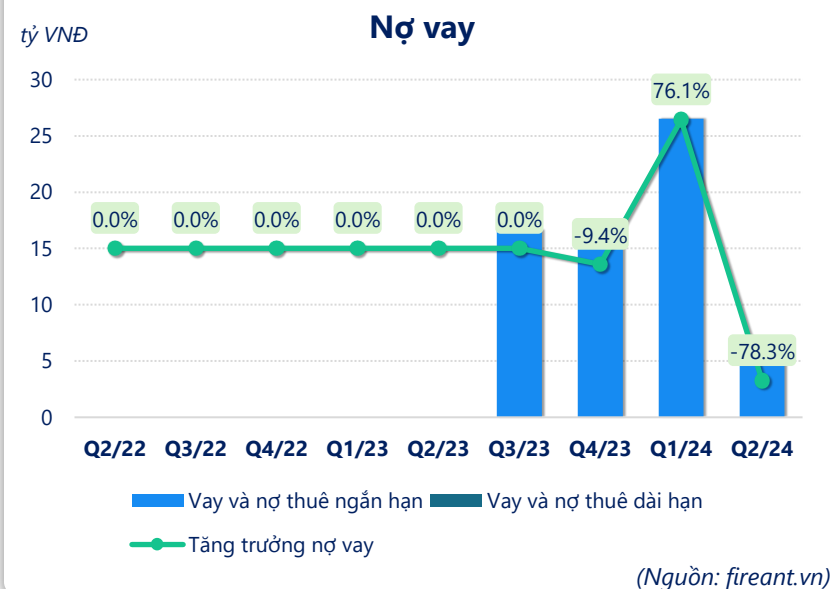
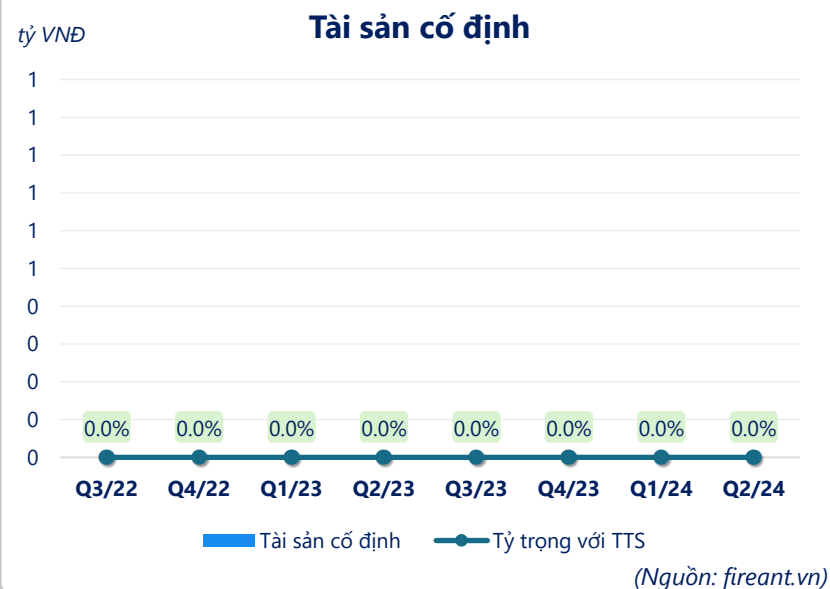
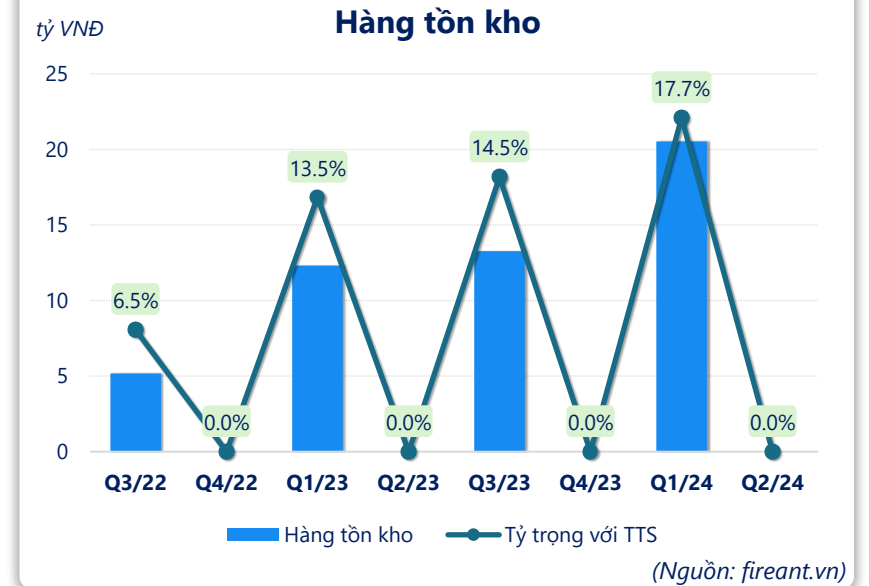
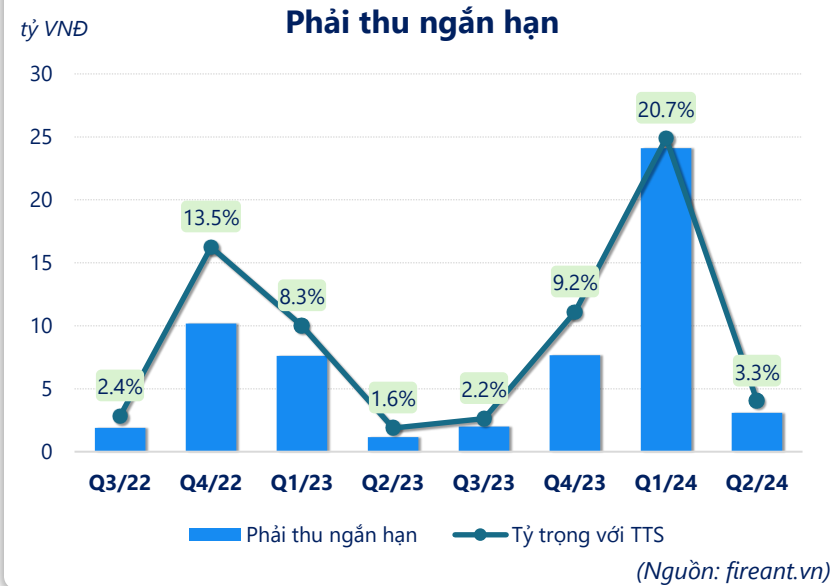
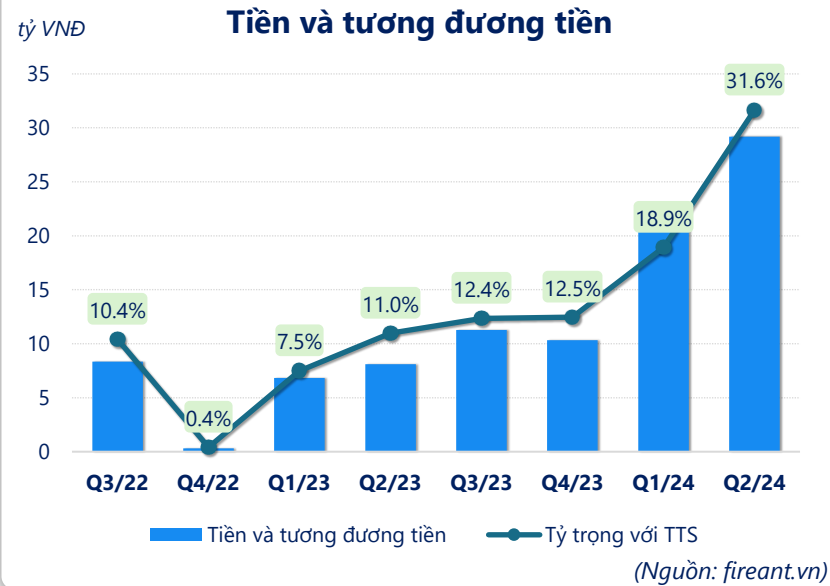
(Nguồn: fireant.vn)

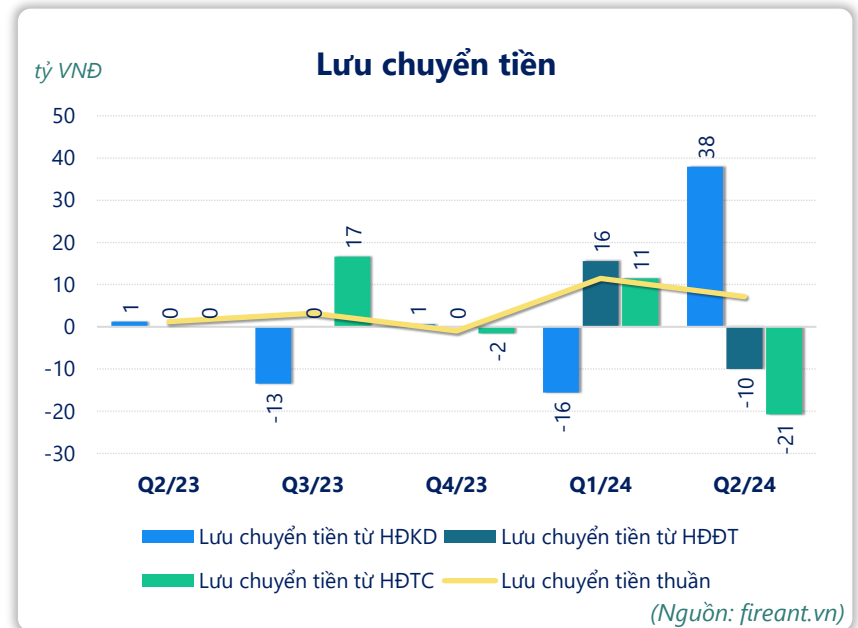
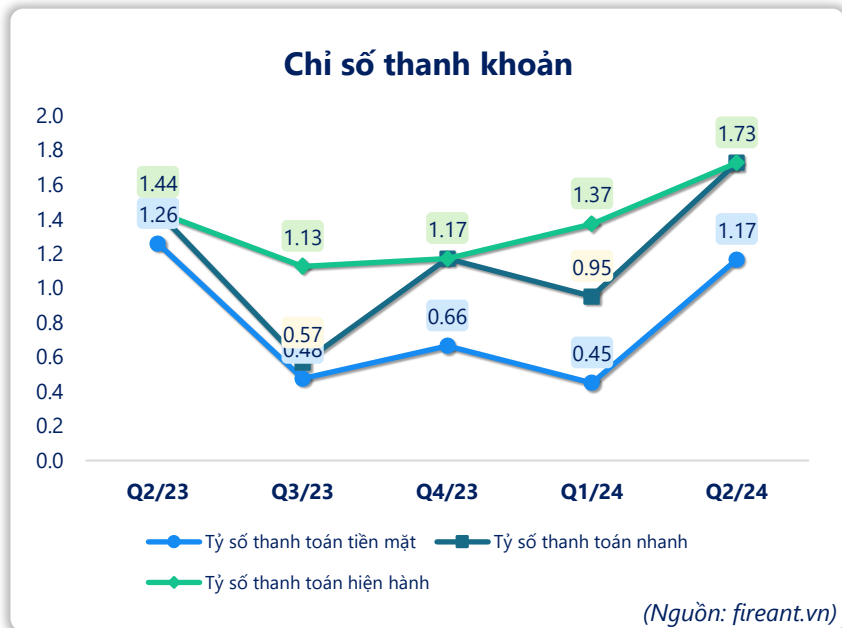
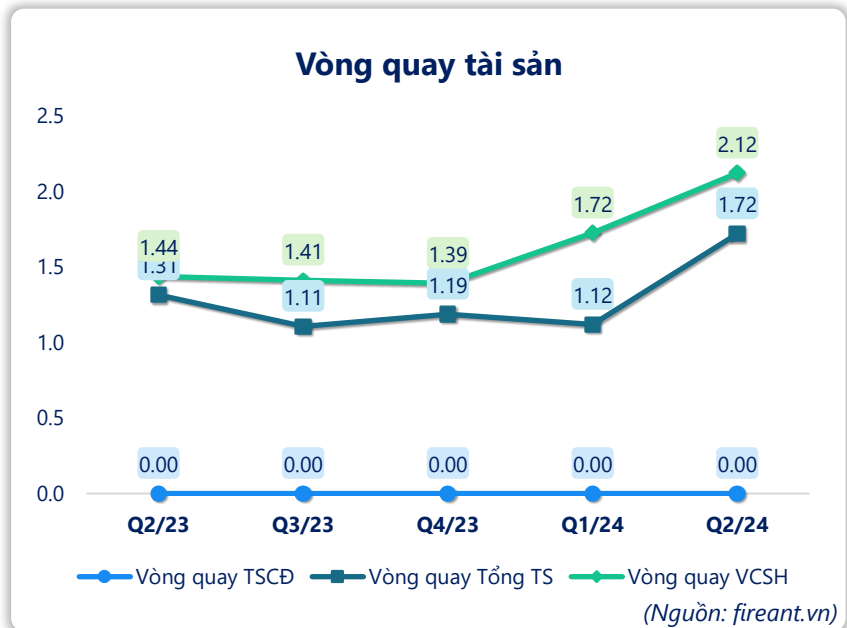
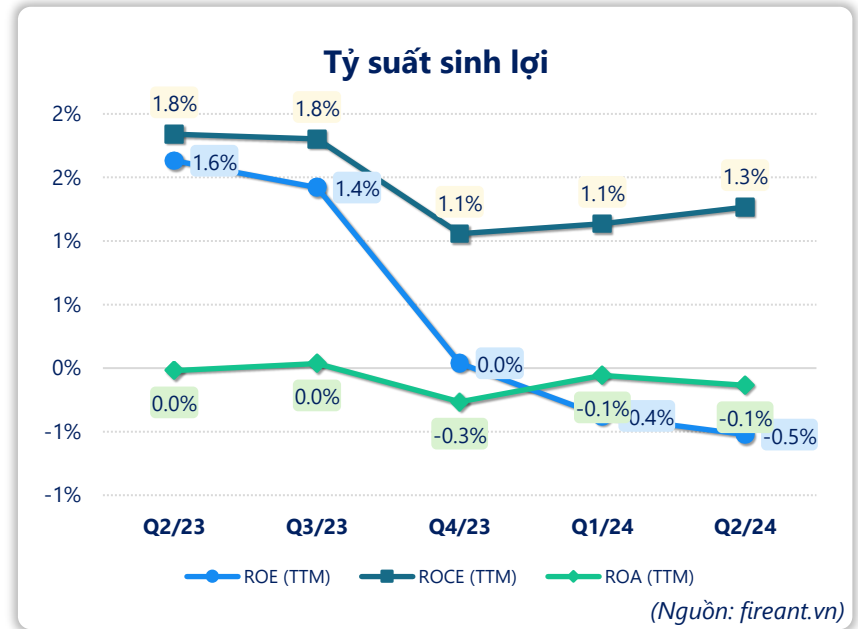
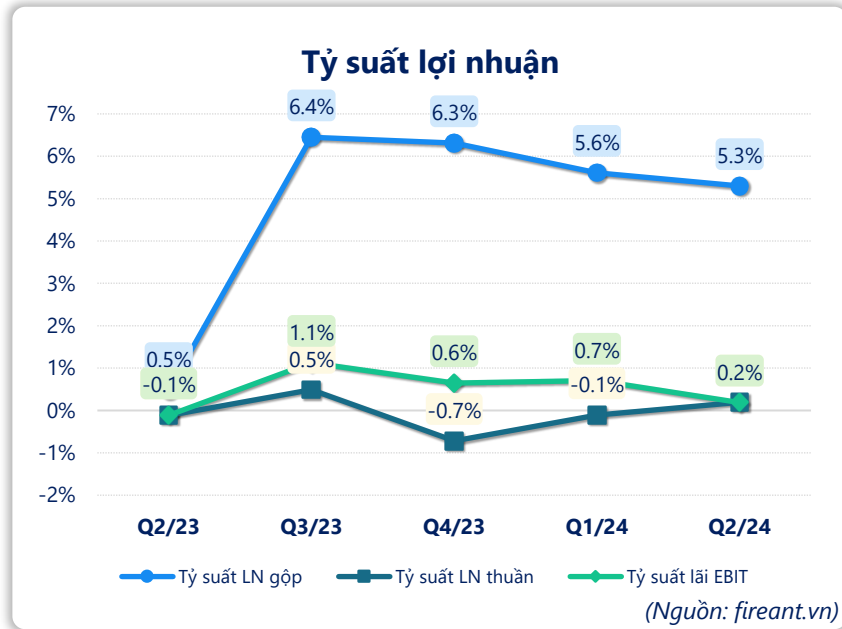
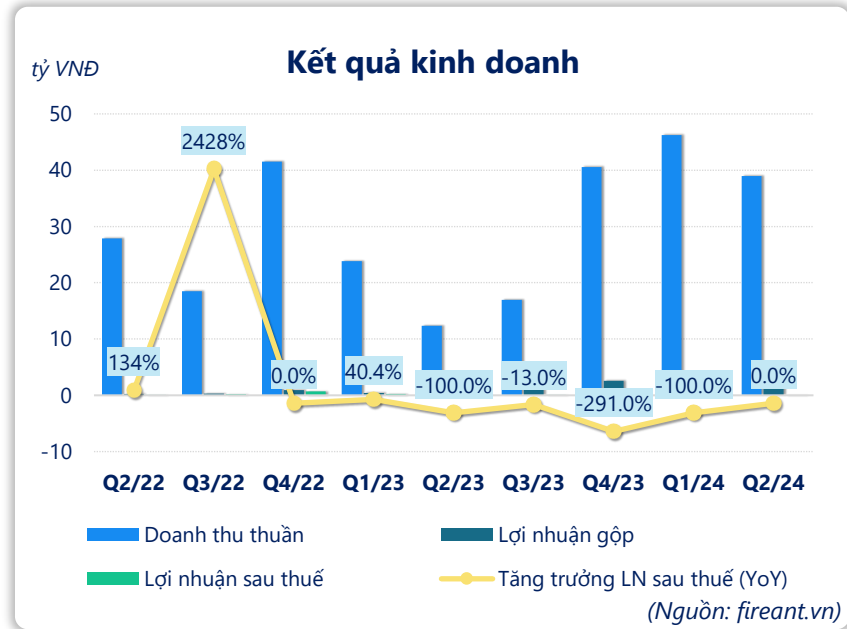
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q2/24

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	92.2	83.1	11.0%
Tài sản ngắn hạn	43.2	18.4	135%
Tiền và tương đương tiền	29.2	10.5	177%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	0	
Phải thu ngắn hạn	3.08	7.65	-59.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.94	0.22	319%
Tài sản dài hạn	49.0	64.7	-24.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	64.6	-24.1%
Tài sản dài hạn khác	0	0.08	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25.0	15.7	59.0%
Nợ ngắn hạn	25.0	15.7	59.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.75	15.1	-61.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.0	0.00	9855050%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	67.2	67.4	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	67.2	67.4	-0.3%
Vốn điều lệ	60.5	60.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	12.4	17.0	40.5	46.2	39.0
Giá vốn hàng bán	12.3	15.9	38.0	43.7	36.9
Lợi nhuận gộp	0.06	1.10	2.56	2.59	2.06
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.05	0.30	0.73
Chi phí TC	0.00	0.12	0.56	0.49	0.33
Chi phí lãi vay	0	0.12	0.55	0.39	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.76	2.19	1.91	1.69
Chi phí QLDN	0.07	0.13	0.15	0.55	0.71
LN thuần từ HĐKD	-0.01	0.08	-0.29	-0.05	0.07
Lợi nhuận khác	0	-0.02	0	-0.01	0.00
LN trước thuế	-0.01	0.07	-0.29	-0.06	0.07
Lợi nhuận sau thuế	-0.01	0.03	-0.21	-0.06	-0.11
LNST của CĐ cty mẹ	-0.01	0.03	-0.21	-0.06	-0.11

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.26	-13.5	0.61	-15.6	38.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	15.6	-9.99
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	16.6	-1.57	11.5	-20.8
Tiền đầu kỳ	6.85	8.10	11.3	10.5	22.0
Lưu chuyển tiền thuần	1.26	3.17	-0.96	11.5	7.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.10	11.3	10.3	22.0	29.2

(Nguồn: fireant.vn)